

**KẾT QUẢ BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN ĐỢT THÁNG 3/2026**

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
1	28212739839		Đặng Công An	11/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC9	8.3	10.0	Đạt	
2	28204949565		Hoàng Thị Bình An	7/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC9	9.0	3.6	Không Đạt	
3	29206546815		Nguyễn Thị An	1/10/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN19	9.3	3.5	Không Đạt	
4	28214351530		Nguyễn Văn An	1/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT11	V	V	Vắng thi	
5	28218101523		Nguyễn Văn An	1/2/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT19	9.7	6.3	Đạt	
6	28204953952		Trương Thị Mỹ An	4/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC9	7.7	5.0	Đạt	
7	29204659861		Nguyễn Cao Hoài Ân	10/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32SHT1	5.3	5.5	Đạt	
8	27213350191		Trần Hoàng Ân	3/3/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC11	9.3	9.8	Đạt	
9	28216606652		Võ Lê Văn Bảo Ân	1/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32SHT1	3.3	1.0	Không Đạt	
10	28208153369		Bùi Nguyễn Thảo Anh	8/21/2003	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31TSC17	5.0	6.9	Đạt	
11	28205103688		Đình Hồng Anh	10/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TBN1	7.7	7.0	Đạt	
12	28207304536		Dương Phan Văn Anh	1/5/2004	Huế	Nữ	Kinh	31SYC9	6.7	7.3	Đạt	
13	28209447047		Hồ Thị Quế Anh	11/26/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TSC17	7.0	2.3	Không Đạt	
14	28218200298		Huỳnh Việt Anh	9/9/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC17	7.7	5.0	Đạt	
15	28217305637		Lê Ngọc Nhật Anh	4/29/2004	Huế	Nam	Kinh	31SYC9	7.0	8.3	Đạt	
16	28204800332		Nguyễn Cao Nam Anh	11/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN9	6.0	2.0	Không Đạt	
17	29217257420		Nguyễn Đình Anh	8/27/2005	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TYC17	7.3	6.3	Đạt	
18	29208242813		Nguyễn Lê Xuân Anh	8/3/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SHT9	V	V	Vắng thi	
19	29218030980		Nguyễn Ngọc Phương Anh	7/31/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC11	V	V	Vắng thi	
20	28208101942		Nguyễn Phương Anh	10/12/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT18	9.3	9.0	Đạt	
21	28212705926		Nguyễn Quang Nam Anh	4/26/2004	Huế	Nam	Kinh	31TYC17	6.7	7.3	Đạt	
22	29216250630		Nguyễn Thị Nhật Anh	11/13/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	5.0	3.8	Không Đạt	
23	28207354311		Nguyễn Thị Phương Anh	4/4/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	31SYC9	8.7	9.8	Đạt	
24	27207539095		Nguyễn Thị Quỳnh Anh	6/24/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC16	8.0	6.0	Đạt	
25	28204946410		Nguyễn Thị Tâm Anh	5/14/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31CHT10	6.3	7.0	Đạt	
26	29206565408		Nguyễn Thúy Diệp Anh	10/31/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN18	8.3	1.3	Không Đạt	
27	28218101769		Nguyễn Tuấn Anh	4/7/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	7.3	6.8	Đạt	
28	28204548527		Phạm Hoàng Anh	12/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT18	V	V	Vắng thi	
29	29206662234		Phạm Lan Anh	2/24/2005	Đắk Lắk	Nữ	Mường	31TYC17	10.0	10.0	Đạt	
30	24205307139		Thái Thị Hoàng Anh	12/9/2000	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN19	9.3	6.3	Đạt	
31	28208028350		Trần Lan Anh	3/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC16	6.0	8.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
32	27208780040		Trần Lê Hoàng	Anh	8/24/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC9	9.0	10.0	Đạt	
33	29217252597		Trần Nguyễn Tú	Anh	11/16/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC17	8.3	7.3	Đạt	
34	28206101971		Trần Thị Thảo	Anh	12/10/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC11	9.7	8.0	Đạt	
35	28208025116		Võ Thị Quỳnh	Anh	10/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC11	6.7	6.5	Đạt	
36	28208023951		Vũ Hoàng Minh	Anh	8/24/2004	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31CBN11	7.7	4.0	Không Đạt	
37	28204605591		Bùi Thị Ngọc	Ánh	3/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	6.7	8.0	Đạt	
38	29214134892		Cao Hữu	Ánh	12/11/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC17	9.3	9.0	Đạt	
39	28214436039		Vũ Hoàng	Bách	7/22/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT18	5.7	8.8	Đạt	
40	27203800912		Hà Băng	Băng	1/28/2003	Đồng Nai	Nữ	Kinh	31TBN18	V	V	Vắng thi	
41	29212330758		Lê Chí	Bảo	7/10/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN11	9.0	8.3	Đạt	
42	29214353654		Phạm Quốc	Bảo	8/18/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN19	9.3	8.8	Đạt	
43	29204755473		Huỳnh Thị Thu	Bình	12/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN18	9.7	9.3	Đạt	
44	28206144476		Trần Thị Hải	Bình	5/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	6.3	5.5	Đạt	
45	28208104928		Trần Thị Diệu	Cầm	1/20/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT10	8.0	6.5	Đạt	
46	29206255104		Nguyễn Thị Hải	Châu	1/30/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	5.7	4.0	Không Đạt	
47	29206754515		Nguyễn Thị Linh	Châu	12/15/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	7.3	10.0	Đạt	
48	28204606436		Nguyễn Thị Ngọc	Châu	7/19/2004	Hội An	Nữ	Kinh	31TBN19	9.7	3.3	Không Đạt	
49	28218006061		Nguyễn Văn	Châu	7/30/2004	Hội An	Nam	Kinh	31SSC8	3.0	3.5	Không Đạt	
50	28205254425		Lê Hữu Loan	Chi	6/10/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN19	8.3	5.3	Đạt	
51	29208043034		Lê Nguyễn Linh	Chi	7/22/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	32CHT1	5.7	3.3	Không Đạt	
52	28206200052		Lê Thị Yến	Chi	12/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC11	8.7	6.8	Đạt	
53	28212701773		Phan Anh	Chí	1/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT18	4.0	5.0	Không Đạt	
54	28215153506		Đình Công	Chiến	11/10/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC17	3.7	2.3	Không Đạt	
55	28214706020		Lê Công	Chiến	3/10/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT19	10.0	7.8	Đạt	
56	28214536712		Bùi Thành	Công	6/22/2004	Long An	Nam	Kinh	31SHT7	V	-	Vắng thi	
57	28213206401		Nguyễn Thành	Công	8/11/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CSC11	7.0	5.8	Đạt	
58	29206754241		Trần Thị Thu	Cúc	7/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	7.0	5.3	Đạt	
59	28212300139		Đỗ Xuân	Cường	11/20/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN18	V	V	Vắng thi	
60	29212543324		Hứa Trần Quốc	Cường	12/25/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC17	6.3	5.3	Đạt	
61	28214327002		Lê Quốc	Cường	12/15/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC17	7.7	6.8	Đạt	
62	28218102684		Ngô Văn	Cường	9/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT18	9.3	8.5	Đạt	
63	29214659760		Phan Mạnh	Cường	8/11/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT10	6.7	5.5	Đạt	
64	28219402195		Nguyễn Quý	Danh	1/1/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC17	V	V	Vắng thi	
65	28204652092		Lê Bá Anh	Đào	10/4/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CBN11	5.0	5.3	Đạt	
66	29217348908		Đặng Văn Mạnh	Đạt	9/21/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31TSC16	4.0	5.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
67	27212100962		Mai Quốc Đạt	5/17/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	4.3	6.4	Không Đạt	
68	28214301333		Mông Văn Đạt	4/1/2004	Đắk Lắk	Nam	Nùng	31THT19	8.7	8.5	Đạt	
69	28217300140		Nguyễn Hoàng Đạt	1/17/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC9	7.7	8.6	Đạt	
70	28216653542		Nguyễn Thành Đạt	10/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN18	5.3	1.3	Không Đạt	
71	28214804496		Nguyễn Trọng Đạt	7/6/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	V	V	Vắng thi	
72	29212355226		Nguyễn Việt Đạt	1/6/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC11	7.3	7.0	Đạt	
73	27215302573		Trịnh Chí Đạt	10/21/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TYC16	8.0	9.5	Đạt	
74	29207255381		Đặng Thị Ngọc Diễm	6/11/2005	Huế	Nữ	Kinh	31TYC17	10.0	6.8	Đạt	
75	28204920744		Huỳnh Mai Kiều Diễm	12/19/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC16	9.7	8.5	Đạt	
76	28212303057		Trần Minh Độ	1/23/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC9	6.0	7.3	Đạt	
77	28212406603		Đoàn Huy Đoan	7/19/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CBN11	8.3	6.5	Đạt	
78	29218063700		Văn Bá Doanh	5/25/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32CHT1	5.7	6.8	Đạt	
79	29214658503		Đỗ Đình Đức	3/1/2005	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TBN19	6.7	7.8	Đạt	
80	28212349679		Hồ Lê Hữu Đức	3/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC7	6.0	5.5	Đạt	
81	28213201486		Lê Hoài Đức	10/30/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CHT11	7.3	6.0	Đạt	
82	28216206307		Lê Quang Đức	6/26/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	6.7	6.3	Đạt	
83	28214351719		Nguyễn Trung Đức	9/19/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	32SHT1	5.3	8.5	Đạt	
84	25216107236		Triệu Lập Đức	3/14/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN10	7.3	10.0	Đạt	
85	28208429925		Lê Nguyễn Thanh Dung	12/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT1	9.7	4.3	Không Đạt	
86	28204351333		Lê Thị Kim Dung	2/17/2004	Huế	Nữ	Kinh	31THT19	3.7	5.8	Không Đạt	
87	29207261885		Nguyễn Thùy Dung	12/6/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TSC17	7.3	2.8	Không Đạt	
88	29214620102		Hoàng Đức Dũng	7/28/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC17	5.3	7.0	Đạt	
89	28215153507		Nguyễn Duy Dũng	1/16/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31CYC11	9.7	7.8	Đạt	
90	28214452608		Lâm Phi Dương	10/19/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32THT1	6.3	9.8	Đạt	
91	25213311212		Nguyễn Hoàng Huy Dương	1/1/2001	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CBN11	6.3	9.3	Đạt	
92	28214752490		Nguyễn Khoa Đông Dương	1/3/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31THT19	5.7	6.3	Đạt	
93	24207108486		Nguyễn Thị Thủy Dương	4/11/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	5.3	5.3	Đạt	
94	28206202610		Trương Thị Thủy Dương	7/24/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC11	4.7	3.8	Không Đạt	
95	28212201430		Nguyễn Thanh Triệu Duy	10/12/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC16	9.0	10.0	Đạt	
96	28207236002		Cáp Thị Mỹ Duyên	1/16/2004	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TYC16	9.3	9.0	Đạt	
97	28209447522		Hoàng Thị Kỳ Duyên	9/25/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC16	5.7	3.5	Không Đạt	
98	30206727058		Nguyễn Hạnh Duyên	1/16/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT1	9.0	7.5	Đạt	
99	27215333941		Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	10/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC16	9.7	7.5	Đạt	
100	29204556370		Nguyễn Ngọc Phương Duyên	8/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC16	6.7	5.8	Đạt	
101	28206736150		Nguyễn Thị Mỹ Duyên	2/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC15	6.3	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
102	27202244884		Phạm Thị Mỹ Duyên	10/7/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT11	7.0	2.4	Không Đạt	
103	28209403223		Phạm Thị Mỹ Duyên	6/15/2006	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC9	V	V	Vắng thi	
104	28214648794		Trần Thị Ngọc Duyên	3/31/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC17	6.7	6.5	Đạt	
105	29206565489		H Đô Na Êban	8/2/2005	Hà Nội	Nữ	Kinh	31TBN19	5.0	1.3	Không Đạt	
106	28208149549		Trương Thị Minh Én	10/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT10	4.7	2.5	Không Đạt	
107	28208151402		Lê Hương Giang	5/6/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC9	V	V	Vắng thi	
108	28208048184		Nguyễn Thị Hương Giang	6/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC16	6.7	6.0	Đạt	
109	29206565337		Nguyễn Thị Hương Giang	7/18/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN18	4.7	2.0	Không Đạt	
110	28213206039		Lâm Ty Gon	3/28/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CHT11	8.0	6.8	Đạt	
111	28208153521		Y- Gonh	12/20/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC16	5.3	2.0	Không Đạt	
112	28204628773		Nguyễn Thị Diệu Hà	12/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC9	8.0	7.0	Đạt	
113	26202233051		Nguyễn Thị Ngọc Hà	9/11/2002	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN16	8.0	8.8	Đạt	
114	29207238039		Tô Ngọc Thanh Hà	3/31/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC17	8.7	5.3	Đạt	
115	29207255385		Trần Thị Việt Hà	12/16/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TYC17	9.0	9.5	Đạt	
116	28209305849		Võ Thị Thu Hà	7/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN19	6.7	5.3	Đạt	
117	28207333787		Lê Hoàng Nhật Hạ	7/17/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SYC9	9.0	7.8	Đạt	
118	28204552301		Ngô Nhật Hạ	1/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	8.3	6.5	Đạt	
119	28214305381		Lê Quang Hải	5/25/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN19	6.3	5.0	Đạt	
120	27215351415		Lưu Duy Hải	3/26/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC16	7.3	8.3	Đạt	
121	29214645133		Nguyễn Hải	5/3/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	32TBN1	8.0	6.0	Đạt	
122	29206546093		Phan Nguyễn Hoàng Như Hải	2/7/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SHT1	5.7	8.0	Đạt	
123	28214403769		Trần Quang Hải	4/27/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN11	4.3	3.3	Không Đạt	
124	28216649648		Võ Minh Hải	7/15/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SHT1	6.7	7.3	Đạt	
125	28206202816		Đình Ngọc Hân	8/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT18	9.0	7.8	Đạt	
126	29206555658		Huỳnh Đăng Mỹ Hân	4/14/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	32THT1	5.3	5.5	Đạt	
127	29208248331		Nguyễn Thị Ngọc Hân	4/24/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT11	9.0	5.5	Đạt	
128	29207150133		Nguyễn Thị Ngọc Hân	3/1/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN19	8.7	7.5	Đạt	
129	28206653212		Đỗ Thị Minh Hằng	8/31/2004	Nam Định	Nữ	Kinh	31TYC17	7.3	5.0	Đạt	
130	28208003249		Nguyễn Thị Thúy Hằng	9/29/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN10	-	V	Vắng thi	
131	28207303744		Nguyễn Thiêng Hằng	8/22/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC9	9.7	7.3	Đạt	
132	29204734489		Phan Nguyễn Thúy Hằng	9/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN17	7.3	5.3	Đạt	
133	28207252019		Trần Thị Hằng	9/7/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT10	8.7	6.0	Đạt	
134	28208020522		Dương Thị Mỹ Hạnh	9/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	V	V	Vắng thi	
135	28204644594		Trần Thị Mỹ Hạnh	6/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC17	9.3	7.0	Đạt	
136	29206758325		Lê Thu Hào	11/16/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT1	9.7	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
137	28206522199		Trương Thu Hào	11/20/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32SHT1	6.3	7.5	Đạt	
138	0935581892		Đặng Mỹ Hậu	3/2/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	7.7	5.5	Đạt	
139	29216654109		Nguyễn Tấn Hậu	11/20/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT9	7.0	5.0	Đạt	
140	29206565025		Nguyễn Thị Phương Hậu	12/6/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC17	8.0	6.3	Đạt	
141	28218002769		Trương Nguyễn Minh Hậu	10/1/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT11	V	V	Vắng thi	
142	29206565758		Võ Thị Hậu	10/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC17	8.7	4.1	Không Đạt	
143	28206704108		Đặng Thị Hiền	12/29/2003	Huế	Nữ	Kinh	31TYC17	6.7	5.3	Đạt	
144	28208150062		Đặng Thị Ngọc Hiền	4/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT18	7.3	7.0	Đạt	
145	28202700200		Hồ Thị Thu Hiền	8/6/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TBN1	10.0	10.0	Đạt	
146	28208034537		Huỳnh Thị Thu Hiền	4/28/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC16	8.0	5.5	Đạt	
147	29204749731		Lý Thị Hiền	5/27/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN1	10.0	9.5	Đạt	
148	29204756279		Nguyễn Thị Thu Hiền	1/19/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC11	2.7	3.8	Không Đạt	
149	28208003545		Nguyễn Thị Thu Hiền	2/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT10	5.7	4.0	Không Đạt	
150	28204905601		Nguyễn Thị Thu Hiền	1/16/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT18	9.3	4.3	Không Đạt	
151	28208150023		Võ Thị Thu Hiền	5/31/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC17	5.7	4.0	Không Đạt	
152	31206243517		Võ Trần Thảo Hiền	12/7/2007	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32THT1	5.3	5.0	Đạt	
153	29214641155		Bùi Mạnh Hiếu	11/16/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TBN19	9.3	6.8	Đạt	
154	28211100096		Đào Minh Hiếu	4/1/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32TBN1	7.7	7.0	Đạt	
155	28218003924		Lê Nguyễn Nhật Hiếu	2/3/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC11	9.7	9.3	Đạt	
156	28207306845		Lê Thị Hiếu	11/20/2004	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SYC9	9.7	7.8	Đạt	
157	29214557332		Nguyễn Hiếu	3/19/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC16	6.3	3.0	Không Đạt	
158	27215351497		Phan Thanh Hiếu	6/1/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TYC16	6.7	10.0	Đạt	
159	29208137400		Lê Thị Diễm Hoa	11/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC11	8.7	6.0	Đạt	
160	29206558281		Nguyễn Thị Minh Hoa	9/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	8.3	5.1	Đạt	
161	28218206669		Phùng Thị Hoa	3/22/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC16	7.7	3.8	Không Đạt	
162	28206944281		Đặng An Hoà	12/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT1	6.7	9.8	Đạt	
163	29207154865		Huỳnh Thị Thanh Hòa	3/7/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN16	8.7	3.3	Không Đạt	
164	27217132618		Lữ Đình Hòa	3/23/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT11	8.7	5.0	Đạt	
165	29204640789		Trần Thị Thu Hoài	8/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN10	10.0	8.5	Đạt	
166	29217354669		Đặng Đức Hoàng	1/15/2005	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31TSC16	9.3	6.3	Đạt	
167	29217300016		Lê Quốc Hoàng	7/21/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC16	8.3	7.8	Đạt	
168	29214644685		Lê Võ Hoàng	8/10/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC17	5.7	5.0	Đạt	
169	29214152680		Nguyễn Quốc Hoàng	5/26/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC9	8.7	5.5	Đạt	
170	29212364223		Trương Lê Nhật Hoàng	1/9/2005	Huế	Nam	Kinh	31CBN11	6.7	9.3	Đạt	
171	28208036351		Võ Thị Phương Hoàng	1/5/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC11	7.3	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
172	27206548703		Bùi Thị Xuân	Hồng	11/16/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC6	5.0	3.8	Không Đạt	
173	28204639966		Trần Thị Thu	Hồng	3/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN1	10.0	6.3	Đạt	
174	0979701112		Hà Thị	Huệ	11/18/1982	Ninh Bình	Nữ	Kinh	32THT1	9.3	6.5	Đạt	
175	28208054653		Lê Huỳnh Kim	Huệ	2/13/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT19	9.3	6.5	Đạt	
176	28218054742		Hà Quang	Hùng	12/3/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC9	4.3	0.3	Không Đạt	
177	30214721333		Trần Phi	Hùng	11/19/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TSC17	5.0	3.0	Không Đạt	
178	29218063766		Trần Văn	Hùng	8/11/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC16	8.0	8.5	Đạt	
179	29217330523		Châu Quốc	Hưng	11/7/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC16	8.0	6.3	Đạt	
180	29214121598		Đậu Đức	Hưng	1/28/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN18	5.7	7.0	Đạt	
181	28204602266		Đỗ Thị	Hương	10/15/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN14	8.7	6.3	Đạt	
182	29206257797		Nguyễn Thị Khánh	Hương	7/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	8.3	6.8	Đạt	
183	29204956947		Phan Minh Thu	Hương	2/4/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC11	8.0	9.8	Đạt	
184	29208162460		Nguyễn Thị Thu	Hương	1/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC11	8.0	6.5	Đạt	
185	28209350354		Nguyễn Thị	Hữu	1/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT19	V	V	Vắng thi	
186	29212354078		Nguyễn Văn	Hữu	11/3/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC16	10.0	8.5	Đạt	
187	28216901083		Cao Gia	Huy	11/13/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	32THT1	9.7	9.8	Đạt	
188	28212845482		Đỗ Gia	Huy	10/26/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT18	V	V	Vắng thi	
189	28214303996		Lê Thăng	Huy	7/22/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32THT1	9.3	8.8	Đạt	
190	27215301970		Nguyễn Lê Thanh	Huy	10/13/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN19	9.3	8.3	Đạt	
191	28218238730		Nguyễn Phúc	Huy	7/15/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC16	6.3	5.0	Đạt	
192	28218128741		Nguyễn Trương Quốc	Huy	5/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC17	5.7	5.0	Đạt	
193	28218041821		Trịnh Gia	Huy	11/25/2004	Nam Định	Nam	Kinh	31THT18	8.7	6.5	Đạt	
194	29214526118		Trương Đức	Huy	11/15/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN19	5.3	5.0	Đạt	
195	28214752546		Văn Đức	Huy	5/31/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	6.0	3.8	Không Đạt	
196	29214120522		Văn Tiến	Huy	7/5/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC17	7.3	7.3	Đạt	
197	27211329765		Võ Đức	Huy	5/25/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN10	5.0	0.5	Không Đạt	
198	28216803689		Nguyễn Thị Thanh	Huyền	5/12/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT19	7.0	7.0	Đạt	
199	29206665059		Chúc Thị	Huyền	2/15/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TYC17	9.7	7.8	Đạt	
200	29204154889		Lê Thị Thu	Huyền	8/20/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TYC17	7.7	6.8	Đạt	
201	29204164609		Ngô Thuý	Huyền	8/7/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	9.7	9.3	Đạt	
202	29204334353		Nguyễn Lệ	Huyền	10/24/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT1	8.3	6.3	Đạt	
203	26203535430		Phạm Thị Thanh	Huyền	1/28/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32SHT1	7.3	7.8	Đạt	
204	29204955058		Võ Thị	Huyền	5/16/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31THT19	9.7	7.8	Đạt	
205	28212249750		Trịnh Nhật	Huy	8/6/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC16	8.0	9.0	Đạt	
206	28216222385		Phạm Thế	Kha	3/10/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT18	7.7	7.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
207	29214650674		Võ Trần Kha	3/5/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SYC9	9.3	6.8	Đạt	
208	28218054522		Trần Huy Khang	9/25/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SSC9	4.0	1.3	Không Đạt	
209	27212254158		Trần Tấn Khang	5/9/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CHT1	8.7	8.0	Đạt	
210	27211200783		Lê Quốc Khánh	2/22/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC6	5.0	5.6	Đạt	
211	29212556180		Nguyễn Khánh	6/25/2005	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC17	10.0	9.0	Đạt	
212	27211333571		Nguyễn Văn Khánh	2/5/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	32TBN1	V	V	Vắng thi	
213	27212201227		Trần Khánh	11/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CHT1	8.0	5.0	Đạt	
214	28217337961		Vũ Trần Nam Khánh	6/3/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC9	9.3	8.3	Đạt	
215	29214556821		Lê Anh Khoa	4/16/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC16	5.0	4.0	Không Đạt	
216	28211349105		Nguyễn Xuân Khoa	1/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC16	8.7	9.0	Đạt	
217	28212301308		Võ Anh Khoa	8/17/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC9	9.7	7.0	Đạt	
218	28218004763		Vũ Hà Minh Khoa	4/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN17	5.7	6.5	Đạt	
219	28212753052		Nguyễn Nhật Khôi	12/14/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31THT19	6.3	5.8	Đạt	
220	28212705087		Võ Duy Kiên	5/30/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC16	6.3	5.0	Đạt	
221	25207117339		Đoàn Mai Anh Kiệt	3/26/1999	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32THT1	6.7	5.0	Đạt	
222	29208037245		Lê Phan Nhật Kim	11/19/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	8.7	7.0	Đạt	
223	28207431025		Nguyễn Hạ Lam	8/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC11	5.3	9.0	Đạt	
224	28214528492		Lê Đức Bảo Lâm	3/18/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	31SHT7	-	V	Vắng thi	
225	29212534231		Nguyễn Dương Thanh Lâm	12/19/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC17	8.3	5.8	Đạt	
226	28212304220		Trần Vũ Lâm	5/8/2004	Kon Tum	Nam	Kinh	31TYC17	7.3	7.3	Đạt	
227	29204954935		Hà Thị Ngọc Lan	2/10/2005	Bắc Giang	Nữ	Kinh	31CSC11	9.7	7.5	Đạt	
228	28204603350		Tôn Lê Ngọc Lan	10/12/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC9	8.0	5.8	Đạt	
229	29204959314		Phan Thị Lành	6/29/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC11	9.7	9.8	Đạt	
230	27215302090		Nguyễn Thanh Liêm	11/8/2003	Huế	Nam	Kinh	31CHT11	9.3	7.5	Đạt	
231	28202705715		Đoàn Hoàng Khánh Linh	9/2/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	32TBN1	8.3	5.8	Đạt	
232	30265280006		Đoàn Nguyễn Khánh Linh	7/3/2000	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN17	9.7	7.0	Đạt	
233	29206649505		Lê Thị Linh	11/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT1	6.7	6.3	Đạt	
234	28204650405		Lê Thị Linh	11/17/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN18	8.7	5.0	Đạt	
235	28207254496		Lê Thị Ngọc Linh	11/30/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC16	7.0	6.8	Đạt	
236	28209326823		Lưu Công Thủy Linh	8/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32THT1	6.3	7.5	Đạt	
237	28206254997		Nguyễn Khánh Linh	9/6/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CYC11	8.3	7.8	Đạt	
238	29204659505		Nguyễn Phạm Cát Linh	6/3/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	32TBN1	8.7	8.0	Đạt	
239	28206243786		Nguyễn Phương Linh	1/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT11	5.3	3.8	Không Đạt	
240	28206945506		Nguyễn Thị Linh	7/16/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN1	8.0	6.5	Đạt	
241	28204652385		Nguyễn Thị Hải Linh	4/26/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT1	6.3	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
242	28212806068		Phạm Bá Nhật	Linh	10/23/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT18	V	V	Vắng thi
243	27202253203		Phan Thị Trúc	Linh	1/3/2003	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	32CHT1	6.7	8.8	Đạt
244	28205101379		Tổng Khánh	Linh	11/1/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SBN10	5.3	2.3	Không Đạt
245	27205439257		Trần Trà	Linh	7/26/2003	Điện Biên	Nữ	Kinh	31THT18	10.0	6.5	Đạt
246	28206550996		Triệu Thị Thủy	Linh	9/8/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT10	5.7	3.8	Không Đạt
247	28204802872		Vũ Thủy	Linh	11/22/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31CYC10	8.7	7.0	Đạt
248	29206755573		Lê Huỳnh Yến	Loan	10/24/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	32THT1	9.0	9.3	Đạt
249	28207354657		Nguyễn Thị Hồng	Loan	7/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC9	5.3	8.8	Đạt
250	29204651940		Lê Thị	Lộc	6/28/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT1	8.3	7.5	Đạt
251	29214621675		Phạm Thắng	Lợi	12/7/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SYC9	7.0	8.8	Đạt
252	27211535711		Đình Thanh	Long	2/9/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC10	5.0	5.0	Đạt
253	28215100966		Nguyễn Thành	Long	5/6/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT19	6.7	5.6	Đạt
254	28218032222		Phạm Đoàn Việt	Long	6/26/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN19	7.7	6.3	Đạt
255	28215237131		Trương Phan Minh	Long	9/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT18	6.7	5.5	Đạt
256	29212347934		Ngô Nguyễn Ngọc	Luân	2/18/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC16	7.0	6.5	Đạt
257	29218031823		Nguyễn Hữu	Lượng	6/9/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32CHT1	6.3	3.8	Không Đạt
258	25217210004		Lê Minh	Lưu	3/19/1999	Bình Định	Nam	Kinh	31SSC9	V	V	Vắng thi
259	28216653647		Đặng Văn	Luyện	1/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT15	5.3	5.0	Đạt
260	29206646188		Lý Thị Kim	Luyện	11/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC17	9.7	9.3	Đạt
261	30265280010		Trần Thị	Luyện	8/8/1998	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN17	8.3	5.8	Đạt
262	28208003727		Huỳnh Thị Trúc	Ly	4/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC17	7.7	6.3	Đạt
263	29204822839		Nguyễn Thị Phương	Ly	8/12/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN18	8.7	6.3	Đạt
264	27212201204		Nguyễn Huỳnh	Mạnh	10/28/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC16	V	V	Vắng thi
265	28214502604		Phan Thái	Mạnh	8/8/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31SHT7	V	V	Vắng thi
266	28208130474		Đỗ Lê Trúc	Mi	8/11/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT18	5.7	6.0	Đạt
267	29217458019		Đặng Quang	Minh	4/7/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC16	6.0	2.5	Không Đạt
268	28218141605		Nguyễn Quang	Minh	7/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	4.7	3.5	Không Đạt
269	29217356380		Phan Nguyễn Bảo	Minh	4/18/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC16	8.3	7.3	Đạt
270	29214653943		Trương Cao	Minh	12/15/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32TBN1	9.0	6.5	Đạt
271	28206900885		Lê Đỗ Trà	My	7/12/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN1	9.7	7.5	Đạt
272	28204300857		Nguyễn Thị Trà	My	10/18/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC15	9.3	5.0	Đạt
273	27207503077		Trịnh Thị Ngọc	My	11/17/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TSC16	7.3	7.0	Đạt
274	28206521943		Ngô Thị Ngọc	Mỹ	6/29/2004	Huế	Nữ	Kinh	31THT16	8.7	6.8	Đạt
275	26211335205		Nguyễn Văn	Mỹ	7/7/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC17	V	V	Vắng thi
276	28206500704		Dương Thị My	Na	12/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN18	9.7	4.0	Không Đạt

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
277	28206806001		Mai Ly	Na	5/5/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC11	4.0	6.0	Không Đạt	
278	29206257565		Nguyễn Thị	Na	4/19/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT18	9.7	9.8	Đạt	
279	28212300699		Lê Hữu	Nam	7/27/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	32CHT1	9.7	8.6	Đạt	
280	28212351778		Nguyễn Hoài	Nam	1/24/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC17	5.0	7.0	Đạt	
281	28214645348		Nguyễn Hoài	Nam	9/15/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT10	V	V	Vắng thi	
282	28217301008		Nguyễn Hữu Nhật	Nam	12/13/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SYC9	7.0	8.0	Đạt	
283	28214623574		Phạm Lê Thành	Nam	10/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT11	4.0	2.5	Không Đạt	
284	29204557059		Bùi Thị Quỳnh	Nga	4/14/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC16	6.7	5.3	Đạt	
285	28208139689		Lê Đình Thúc	Nga	10/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC16	9.0	6.5	Đạt	
286	28206245856		Lê Thị	Nga	9/19/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31CHT10	9.7	5.3	Đạt	
287	29206658133		Trương Thị	Nga	1/25/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	32SHT1	9.3	7.0	Đạt	
288	29204635394		Bùi Thanh	Ngân	10/24/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC13	-	V	Vắng thi	
289	28206206177		Lê Thị Kim	Ngân	3/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC9	5.0	5.5	Đạt	
290	28204452651		Nguyễn Bích	Ngân	12/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32SHT1	7.7	5.3	Đạt	
291	27204339049		Nguyễn Hoàng Ánh	Ngân	12/7/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC16	7.7	8.3	Đạt	
292	27202602529		Nguyễn Thị Kim	Ngân	9/28/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	4.0	5.0	Không Đạt	
293	28204653371		Nguyễn Thị Thủy	Ngân	10/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT4	9.0	5.0	Đạt	
294	28207347353		Phan Nguyễn Thảo	Ngân	8/23/2004	Quy Nhơn	Nữ	Kinh	31SYC9	9.7	8.5	Đạt	
295	28217353802		Lê Khang	Nghi	11/5/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31SYC9	6.7	8.3	Đạt	
296	29206634853		Trần Phương	Nghi	8/9/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	5.3	5.5	Đạt	
297	29214565441		Ngô Thị Lệ	Nghĩa	2/18/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	9.7	7.8	Đạt	
298	28212300525		Trần Đình	Nghĩa	7/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT11	8.3	2.3	Không Đạt	
299	28202842275		Lê Thị Bảo	Ngọc	5/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	5.7	9.5	Đạt	
300	28208148951		Nguyễn Thị Châu	Ngọc	4/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC11	7.7	7.8	Đạt	
301	29204539507		Trần Thị Bích	Ngọc	6/28/2005	Quy Nhơn	Nữ	Kinh	32CHT1	8.3	6.5	Đạt	
302	27203138620		Trương Thị Kim	Ngọc	5/27/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC9	9.0	6.0	Đạt	
303	29204140254		Đặng Thị Thảo	Nguyên	1/20/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	9.0	9.8	Đạt	
304	30207237653		Đỗ Lê Thảo	Nguyên	9/28/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	9.0	9.5	Đạt	
305	28204606744		Dương Vô Thảo	Nguyên	6/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT1	9.3	5.1	Đạt	
306	29206221927		Lê Châu Thảo	Nguyên	5/25/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN19	5.7	2.8	Không Đạt	
307	29206565022		Lê Thị Thảo	Nguyên	10/5/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN18	6.7	2.3	Không Đạt	
308	29208426460		Nguyễn Lê Ngọc	Nguyên	4/19/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	5.7	6.3	Đạt	
309	28216647411		Phạm Nguyễn Hoàng	Nguyên	5/12/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT11	8.7	5.1	Đạt	
310	28212351822		Phan Đình	Nguyên	12/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN10	10.0	8.5	Đạt	
311	27215242486		Trần Minh	Nguyên	7/25/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN19	8.0	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
312	28204653449		Trần Ngọc Thảo Nguyễn	8/19/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN10	7.7	5.3	Đạt	
313	28212300528		Trần Tuấn Nguyễn	11/24/2004	Gia Lai	Nam	Kinh	31TBN18	8.3	5.0	Đạt	
314	28204300812		Võ Thị Thu Nguyễn	1/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	9.0	5.3	Đạt	
315	28208005914		Bùi Ngọc Ánh Nguyễn	1/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN19	7.7	6.8	Đạt	
316	28208002425		Trương Thị Ánh Nguyễn	7/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	7.3	5.3	Đạt	
317	29204653584		Nguyễn Thanh Nhân	7/28/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC9	9.0	5.0	Đạt	
318	29207454735		Nguyễn Thị Thanh Nhân	9/1/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC17	8.0	7.5	Đạt	
319	29217356573		Huỳnh Văn Nhân	11/3/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC16	6.0	3.8	Không Đạt	
320	28219339370		Lê Thành Nhân	8/28/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN1	9.7	6.3	Đạt	
321	29217429721		Lê Thành Nhân	5/8/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC16	7.0	6.5	Đạt	
322	28207454304		Nguyễn Ngọc Khánh Nhân	10/4/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN9	7.0	6.5	Đạt	
323	29214665464		Trần Lê Đình Nhân	11/24/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SSC9	9.0	8.0	Đạt	
324	28212703152		Hồ Công Nhật	1/1/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CBN11	9.3	9.0	Đạt	
325	29204650432		Trần Thị Mỹ Nhật	3/27/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	32TBN1	8.7	6.5	Đạt	
326	28208101360		Đặng Thị Nhi	9/28/2004	Huế	Nữ	Kinh	31CBN11	9.7	7.3	Đạt	
327	28208038725		Hồ Tuyết Nhi	12/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC16	9.0	5.9	Đạt	
328	29206540953		Lê Thị Tuyết Nhi	4/17/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31TBN19	4.3	1.5	Không Đạt	
329	28206551122		Lê Uyên Nhi	8/16/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	32SHT1	5.7	8.0	Đạt	
330	28204352583		Ngô Phương Nhi	12/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT11	3.7	3.0	Không Đạt	
331	29204641191		Nguyễn Phước Uyên Nhi	6/8/2005	Huế	Nữ	Kinh	31SHT10	6.7	5.3	Đạt	
332	29204622234		Nguyễn Thị Nhi	11/13/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC9	6.0	6.5	Đạt	
333	28204937090		Nguyễn Thị Ái Nhi	9/1/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT10	7.3	6.5	Đạt	
334	28204303691		Nguyễn Thị Ánh Nhi	1/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	7.7	6.8	Đạt	
335	29204659078		Phạm Thị Yến Nhi	8/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT1	8.0	6.3	Đạt	
336	28204302202		Trần Thị Yến Nhi	9/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC10	10.0	6.3	Đạt	
337	29209324808		Võ Thị Thảo Nhi	1/8/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN10	9.3	7.0	Đạt	
338	28208143989		Võ Thị Thùy Nhi	11/25/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	7.0	8.0	Đạt	
339	29204327334		Nguyễn Hoài Phương Nhiên	1/10/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT10	6.3	5.8	Đạt	
340	29207148399		Đỗ Võ Quỳnh Nhu	11/4/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC16	9.3	6.0	Đạt	
341	29200357929		Huỳnh Thị Tâm Nhu	8/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Hoa	32CHT1	7.0	4.0	Không Đạt	
342	28209247999		Mai Quỳnh Nhu	1/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC17	8.7	6.8	Đạt	
343	29207129677		Phạm Thị Nhu	12/1/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TBN19	10.0	7.5	Đạt	
344	29204662480		Phạm Thị Quỳnh Nhu	4/17/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32TBN1	8.0	8.3	Đạt	
345	28204954887		Hoàng Thị Tuyết Nhưng	3/29/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32THT1	7.7	8.0	Đạt	
346	29204131692		Nguyễn Thị Ánh Nhưng	7/28/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT10	6.3	8.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
347	28204651679		Trương Thị Mỹ Nhung	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT18	8.3	9.8	Đạt	
348	28206602822		Phạm Thị Mỹ Nương	12/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT18	5.3	5.0	Đạt	
349	28204949551		Nguyễn Thị Thúy Ny	9/27/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN19	5.3	6.3	Đạt	
350	28204605214		Nguyễn Thị Kiều Oanh	10/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	9.7	7.8	Đạt	
351	28204600792		Nguyễn Thị Kim Oanh	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC10	9.7	7.3	Đạt	
352	27211543044		Huỳnh Ngọc Tấn Phát	6/18/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN16	9.0	5.5	Đạt	
353	29214560253		Từ Duy Phát	6/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC16	6.3	4.0	Không Đạt	
354	29214657908		Lê Văn Phong	10/26/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	32THT1	10.0	8.8	Đạt	
355	28207252170		Nguyễn Thị Hoài Phong	4/13/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC16	9.0	8.5	Đạt	
356	27212133770		Phạm Tuấn Phong	3/29/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CYC11	5.0	4.0	Không Đạt	
357	29212337296		Phan Thái Phong	11/10/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	31CSC11	5.0	4.0	Không Đạt	
358	28214904414		Huỳnh Thanh Phú	10/20/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN18	8.0	4.0	Không Đạt	
359	28212703405		Lê Quang Phú	1/12/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TSC16	7.7	5.8	Đạt	
360	28212300482		Nguyễn Trọng Phú	2/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC15	9.0	6.3	Đạt	
361	29218258333		Trương Đình Phú	6/14/2005	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31CHT11	7.7	3.3	Không Đạt	
362	29217560823		Đỗ Văn Hoàng Phúc	11/7/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC9	3.3	1.9	Không Đạt	
363	27217034337		Nguyễn Văn Duy Phúc	12/9/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC11	7.3	7.0	Đạt	
364	29214654202		Phan Hoài Phúc	3/10/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	7.3	2.3	Không Đạt	
365	28212305995		Trần Văn Phúc	9/3/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32CHT1	10.0	7.0	Đạt	
366	27215352271		Dương Minh Phương	3/15/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC16	9.3	8.3	Đạt	
367	29208051518		Huỳnh Nguyễn Uyên Phương	4/17/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT1	5.7	1.9	Không Đạt	
368	28208140022		Lê Thị Xuân Phương	1/19/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31SBN10	9.0	5.5	Đạt	
369	28210202007		Lê Thiện Phương	6/5/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT19	8.0	5.0	Đạt	
370	29218239142		Nguyễn Duy Phương	7/19/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT9	6.0	5.0	Đạt	
371	28202835280		Trần Thị Thanh Phương	3/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC13	8.0	5.5	Đạt	
372	24203304150		Đặng Thị Hồng Phương	8/16/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN19	9.3	5.0	Đạt	
373	28206520813		Nguyễn Thị Phương	2/25/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	32TBN1	8.7	6.3	Đạt	
374	29206538423		Phùng Thị Phương	3/26/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC17	6.0	5.8	Đạt	
375	28218054700		Bùi Hồng Quân	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC16	9.0	8.5	Đạt	
376	29217338874		Dương Công Quân	9/30/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TSC16	5.3	3.3	Không Đạt	
377	27215352273		Ngô Hồng Quân	1/15/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31THT18	10.0	10.0	Đạt	
378	28214602187		Nguyễn Hồng Quân	12/6/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT19	6.0	4.0	Không Đạt	
379	28212303805		Nguyễn Trương Quân	5/20/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN19	6.3	3.5	Không Đạt	
380	28212702089		Phạm Nhật Quân	11/20/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TYC17	9.3	3.8	Không Đạt	
381	27215450499		Nguyễn Đăng Quang	10/26/2002	Bến Tre	Nam	Kinh	31THT18	9.3	2.5	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
382	27215249713		Nguyễn Xuân Quang	3/1/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	5.7	8.9	Đạt	
383	29216655098		Huỳnh Đỗ Mạnh Quốc	9/2/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN11	9.0	4.3	Không Đạt	
384	29212342649		Lê Đình Quốc	3/11/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SYC9	4.3	3.0	Không Đạt	
385	27211349122		Lê Quang Quốc	12/8/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	32TBN1	V	V	Vắng thi	
386	28212301633		Thái Văn Quốc	8/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	6.7	6.3	Đạt	
387	27211336083		Trần Công Quý	5/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	7.0	5.5	Đạt	
388	29216659091		Trần Đại Quý	12/25/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CBN11	9.0	9.8	Đạt	
389	28206952191		Hồ Hoàng Tố Uyên	10/5/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	32TBN1	9.3	7.0	Đạt	
390	28209437326		Hứa Thị Lệ Uyên	4/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN8	8.0	5.3	Đạt	
391	29204620818		Nguyễn Thị Trúc Uyên	4/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC16	8.3	7.3	Đạt	
392	29206660578		Nguyễn Thục Tú Uyên	12/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	9.7	6.5	Đạt	
393	28208000947		Phan Nguyễn Hạnh Uyên	7/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN19	V	V	Vắng thi	
394	28206132649		Tô Thị Tú Uyên	10/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	7.7	9.5	Đạt	
395	28208121020		Trần Diễm Uyên	5/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC11	V	V	Vắng thi	
396	28207306511		Trần Nguyễn Bảo Uyên	8/27/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC9	10.0	9.8	Đạt	
397	29212357172		Lê Phú Quyền	5/19/2005	Huế	Nam	Kinh	31TBN18	8.7	9.6	Đạt	
398	28206600313		Bùi Thị Như Quỳnh	9/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC9	3.7	1.8	Không Đạt	
399	29206549556		Đinh Ngọc Quỳnh	6/19/2004	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	32SHT1	7.7	8.3	Đạt	
400	29204624432		Lê Diễm Quỳnh	11/10/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC9	9.3	6.3	Đạt	
401	29206655097		Lê Hà Như Quỳnh	6/14/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	7.3	4.5	Không Đạt	
402	28208138339		Lê Thị Như Quỳnh	12/18/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC11	6.7	7.3	Đạt	
403	29209440193		Ngô Thị Như Quỳnh	6/14/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	6.7	2.3	Không Đạt	
404	28208154738		Nguyễn Lê Trúc Quỳnh	11/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC9	5.3	6.0	Đạt	
405	28205054946		Nguyễn Ngọc Quỳnh	2/19/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC15	6.3	5.4	Đạt	
406	28202704004		Nguyễn Như Quỳnh	9/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT19	8.7	6.8	Đạt	
407	28205134716		Nguyễn Phương Khánh Quỳnh	3/15/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT11	8.3	2.8	Không Đạt	
408	28204601943		Nguyễn Thị Quỳnh	10/20/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT10	4.0	6.5	Không Đạt	
409	29208064662		Nguyễn Thị Hương Quỳnh	5/29/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC11	9.0	8.0	Đạt	
410	28206920331		Nguyễn Võ Tuyết Quỳnh	10/16/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN1	8.0	5.5	Đạt	
411	27204324881		Trịnh Thị Như Quỳnh	5/26/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	32CHT1	5.3	6.5	Đạt	
412	28204526427		Trương Thị Diễm Quỳnh	9/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC16	7.3	5.8	Đạt	
413	29208157490		Võ Lâm Như Quỳnh	2/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	6.5	Đạt	
414	28209443698		Lê Thị Tuyết Sang	5/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC17	8.3	8.8	Đạt	
415	27211302008		Ngô Văn Sang	10/5/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SHT1	6.0	6.3	Đạt	
416	27212129733		Nguyễn Văn Sang	7/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32SHT1	5.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
417	28216648032		Huỳnh Phương Sanh	6/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN18	7.0	7.0	Đạt	
418	28212405074		Phạm Trường Sơn	11/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN11	7.7	6.8	Đạt	
419	28218001384		Phan Nhật Hoài Sơn	2/5/2004	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN18	6.3	5.3	Đạt	
420	28218251558		Trần Cao Sơn	6/5/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC17	9.3	9.0	Đạt	
421	29212356862		Trần Thanh Sơn	6/24/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SSC9	8.3	7.0	Đạt	
422	28212304420		Hồ Minh Sự	4/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC15	6.0	5.5	Đạt	
423	28208005573		Huỳnh Thị Thảo Sương	7/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN19	8.7	3.8	Không Đạt	
424	28207404337		Nguyễn Thị Thu Sương	3/10/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32SHT1	6.0	8.8	Đạt	
425	28208002418		Nguyễn Thị Tuyết Sương	4/26/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN18	9.7	2.3	Không Đạt	
426	29204520779		Thái Thị Linh Sương	1/12/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT10	10.0	7.8	Đạt	
427	28212205604		Đặng Đức Tài	10/14/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN19	9.7	9.8	Đạt	
428	29204661481		Hồ Nguyễn Việt Tâm	10/12/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT1	7.7	6.5	Đạt	
429	28212300963		Mai Lý Hồng Tâm	3/8/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN18	6.7	8.5	Đạt	
430	28218100203		Nguyễn Bảo Tâm	1/3/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT19	5.7	4.0	Không Đạt	
431	29204634478		Võ Thị Mỹ Tâm	6/7/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN10	8.7	7.0	Đạt	
432	28214652942		Hồ Văn Thái	4/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	6.3	5.5	Đạt	
433	28212401512		Phan Quang Thái	5/16/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN19	6.7	9.0	Đạt	
434	28206901941		Nguyễn Thị Thắm	3/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC17	9.7	6.5	Đạt	
435	29204651861		Nguyễn Thị Hồng Thắm	3/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT1	7.0	5.8	Đạt	
436	29207153161		Trần Thị Thắm	2/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN19	10.0	6.0	Đạt	
437	29218059657		Đỗ Lê Quốc Thắng	10/10/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN19	9.7	8.5	Đạt	
438	28214327789		Nguyễn Hà Phước Ngọc Thắng	4/13/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SSC8	6.0	3.1	Không Đạt	
439	28219103262		Nguyễn Duy Thanh	10/13/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CSC11	9.7	10.0	Đạt	
440	29204659076		Nguyễn Thị Mỹ Thanh	1/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC16	8.0	7.0	Đạt	
441	27205249748		Trần Thị Minh Thanh	7/21/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN19	8.3	4.0	Không Đạt	
442	28212742912		Huỳnh Tiến Thành	8/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN18	7.0	3.0	Không Đạt	
443	28214200304		Lê Đạt Thành	8/15/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT11	V	V	Vắng thi	
444	28218105674		Ngô Việt Thành	8/31/2004	Buôn Ma Thuột	Nam	Kinh	31THT19	V	V	Vắng thi	
445	23211211240		Nguyễn Bá Thành	4/19/1999	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC11	3.3	5.0	Không Đạt	
446	27212225211		Phan Trần Tuấn Thành	7/28/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	30CYC8	6.0	6.0	Đạt	
447	28204602894		Bùi Thị Thanh Thảo	8/19/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TBN1	8.3	5.5	Đạt	
448	28218034958		Đỗ Thị Minh Thảo	10/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	8.7	7.3	Đạt	
449	28204600631		Đỗ Thị Thanh Thảo	9/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT1	6.3	7.3	Đạt	
450	29204560585		Huỳnh Thị Thu Thảo	4/7/2005	Chư Sê - Gia Lai	Nữ	Kinh	32TBN1	7.3	6.9	Đạt	
451	27205449668		Huỳnh Vương Phương Thảo	2/17/2003	Hậu Giang	Nữ	Kinh	31TSC16	8.7	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
452	28208238266		Lê Ngọc Phương Thảo	9/21/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	4.3	2.0	Không Đạt	
453	28208035287		Lê Thị Minh Thảo	5/14/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT10	7.7	7.5	Đạt	
454	29206746076		Lê Thị Phương Thảo	9/27/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31THT19	8.7	6.5	Đạt	
455	28208253198		Lê Thị Thanh Thảo	1/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32TBN1	V	V	Vắng thi	
456	28206506193		Lê Trần Phương Thảo	6/1/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31CBN11	7.7	5.0	Đạt	
457	28207306422		Nguyễn Hà Mai Thảo	8/12/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SYC9	9.0	8.5	Đạt	
458	28207105949		Nguyễn Thị Kim Thảo	10/29/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC17	4.7	0.5	Không Đạt	
459	29209434558		Nguyễn Thị Như Thảo	8/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN18	8.3	4.3	Không Đạt	
460	29207145390		Nguyễn Thị Thanh Thảo	4/16/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN19	8.0	4.3	Không Đạt	
461	29206560336		Nguyễn Thu Thảo	5/5/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC17	8.7	5.5	Đạt	
462	29204636385		Nguyễn Trần Phương Thảo	6/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	6.3	8.3	Đạt	
463	28205240706		Phạm Thị Thanh Thảo	3/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SBN10	10.0	8.8	Đạt	
464	29204838406		Phan Hoàng Phương Thảo	2/2/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN10	9.7	7.8	Đạt	
465	27205352340		Trần Thị Phương Thảo	2/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT11	9.3	7.0	Đạt	
466	28212746383		Nguyễn Khánh Thiện	11/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	8.7	6.8	Đạt	
467	27208440405		Văn Thị Thanh Thiện	10/17/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC9	V	V	Vắng thi	
468	29217357988		Bùi Tấn Thịnh	7/24/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TSC16	8.7	6.0	Đạt	
469	30265280014		Phạm Thị Thịnh	9/19/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN17	8.3	6.0	Đạt	
470	30204355539		Dương Thị Yên Thơ	9/2/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT10	9.3	8.3	Đạt	
471	28212301341		Nguyễn Ngọc Thông	8/7/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC11	7.3	6.5	Đạt	
472	29217329592		Trương Văn Thông	1/2/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC17	8.3	8.5	Đạt	
473	28208152326		Nguyễn Thị Thanh Thu	9/24/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	9.0	6.8	Đạt	
474	28206900458		Ngô Phạm Minh Thư	12/22/2004	Bình Thuận	Nữ	Kinh	31TSC17	7.7	5.3	Đạt	
475	28207204718		Nguyễn Anh Thư	3/11/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT10	10.0	9.0	Đạt	
476	29208046741		Võ Trần Anh Thư	3/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT1	9.0	7.0	Đạt	
477	28208006949		Lê Thị Thuận	7/28/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	3.7	5.8	Không Đạt	
478	29217357406		Nguyễn Công Thức	2/9/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC16	9.3	7.0	Đạt	
479	28204653290		Nguyễn Thị Hoài Thương	2/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	9.7	5.8	Đạt	
480	28207252273		Trần Thị Thương	6/22/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SHT10	9.0	5.5	Đạt	
481	29206755507		Trịnh Hoài Thương	6/22/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32THT1	8.0	5.3	Đạt	
482	29204461831		Võ Thị Cẩm Thương	10/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32SHT1	5.0	6.5	Đạt	
483	28204621448		Tô Thị Thanh Thủy	8/1/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN1	9.0	7.0	Đạt	
484	29207129676		Nguyễn Thị Thúy	2/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN19	8.3	6.3	Đạt	
485	28204307030		Phan Diễm Thúy	9/26/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC9	4.7	1.0	Không Đạt	
486	28206654421		Huỳnh Thị Thu Thủy	1/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SSC9	7.3	5.9	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ	
									KTC	THUĐ			
487	29206255774		Hứa Ngọc Phương	Thy	8/2/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	7.3	8.3	Đạt	
488	28204650248		Phạm Nhã	Thy	11/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32TBN1	9.3	5.0	Đạt	
489	29204757072		Phạm Thị Hoài	Thy	7/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32TBN1	9.3	9.0	Đạt	
490	29206255773		Lê Thủy	Tiên	9/18/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT19	5.3	6.5	Đạt	
491	29206558742		Mai Thị Hà	Tiên	11/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	7.3	5.0	Đạt	
492	28204147325		Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	12/18/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31TYC16	7.7	5.0	Đạt	
493	29208150063		Văn Thủy	Tiên	11/8/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC11	V	V	Vắng thi	
494	29219323290		Nguyễn Văn	Tiến	11/14/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT10	6.0	5.0	Đạt	
495	28213201143		Phạm Nhật	Tin	3/20/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC11	5.3	6.3	Đạt	
496	28219243189		Nguyễn Văn Uy	Tín	5/20/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN16	8.0	5.5	Đạt	
497	27214338576		Lê Minh	Toàn	7/29/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC16	4.3	5.8	Không Đạt	
498	28212746993		Nguyễn Phú	Toàn	11/17/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC11	7.0	8.0	Đạt	
499	28206501673		Nguyễn Thị Mỹ	Trà	9/23/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TBN18	9.3	5.0	Đạt	
500	27211732053		Nguyễn Công	Trái	12/9/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	32SHT1	5.3	6.0	Đạt	
501	29206242896		Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	1/17/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC8	9.0	7.1	Đạt	
502	29206557578		Lê Thị Bích	Trâm	5/21/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT19	9.7	8.8	Đạt	
503	29206562451		Trần Thanh	Trâm	12/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	5.0	Đạt	
504	29204145170		Võ Huyền	Trâm	12/28/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32SHT1	9.7	7.3	Đạt	
505	29204345382		Lê Huỳnh Huyền	Trân	4/20/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	6.7	8.8	Đạt	
506	28204654381		Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	7/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN19	7.7	5.3	Đạt	
507	29206757765		Phạm Bảo	Trân	10/12/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	32THT1	7.0	9.0	Đạt	
508	28204353233		Cao Thị	Trang	8/1/2004	Huế	Nữ	Kinh	32CHT1	9.7	6.8	Đạt	
509	29206543282		Đỗ Hoàng	Trang	1/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN16	8.0	4.0	Không Đạt	
510	28208001082		Lê Thị Bảo	Trang	5/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC16	4.7	5.0	Không Đạt	
511	28206606645		Lê Thị Xuân	Trang	9/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC9	9.3	6.5	Đạt	
512	29204649322		Nguyễn Bùi Khánh	Trang	1/3/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC17	7.7	5.8	Đạt	
513	28206147555		Nguyễn Thị Kiều	Trang	6/23/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SSC8	5.7	6.8	Đạt	
514	29204939753		Nguyễn Thị Kiều	Trang	10/14/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT18	8.0	9.0	Đạt	
515	29204621203		Nguyễn Thị Phương	Trang	2/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN10	9.0	7.9	Đạt	
516	29204539818		Nguyễn Thị Thùy	Trang	6/9/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	8.7	7.5	Đạt	
517	29206558233		Nguyễn Thị Thùy	Trang	1/1/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC15	9.0	9.5	Đạt	
518	28208003982		Phạm Thị Thùy	Trang	6/28/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN1	3.7	2.5	Không Đạt	
519	28204154732		Phùng Thị Bích	Trang	4/18/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT1	8.7	8.5	Đạt	
520	29204627331		Trần Thị Thùy	Trang	10/11/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC8	7.0	6.5	Đạt	
521	28214600461		Phạm Xuân Bảo	Trí	12/11/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT19	7.7	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
522	28213252682		Trần Minh Trí	1/27/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT11	8.0	3.3	Không Đạt	
523	28207336826		Hoàng Phan Kiều Trinh	10/2/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC16	7.7	5.0	Đạt	
524	28205100949		Huỳnh Thị Kiều Trinh	9/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT11	6.3	5.0	Đạt	
525	27203701032		Nguyễn Thị Anh Trinh	7/18/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC11	7.3	7.5	Đạt	
526	29204658643		Nguyễn Thị Đoan Trinh	10/17/2005	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	32CHT1	7.7	9.5	Đạt	
527	29204654223		Nguyễn Thị Lệ Trinh	11/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32CHT1	9.0	5.8	Đạt	
528	29206137761		Nguyễn Thị Phương Trinh	9/9/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC11	9.7	8.8	Đạt	
529	29204620110		Phan Ngọc Phương Trinh	4/8/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC17	5.3	7.0	Đạt	
530	29207264791		Trần Thị Lan Trinh	6/29/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC17	9.7	5.5	Đạt	
531	29208121361		Võ Thị Thùy Trinh	2/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC11	8.3	6.0	Đạt	
532	27211329206		Lê Trường Trúc	11/11/2003	Bình Định	Nam	Kinh	32TBN1	5.7	7.3	Đạt	
533	28219439782		Nguyễn Thành Trung	1/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32THT1	V	V	Vắng thi	
534	28212331437		Phạm Công Trung	2/25/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT11	4.3	1.8	Không Đạt	
535	29216552496		Đoàn Mạnh Trường	8/31/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	32TBN1	V	V	Vắng thi	
536	28219306237		Dù Minh Trường	5/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN18	8.0	4.5	Không Đạt	
537	28216906485		Trần Quốc Trường	11/14/2004	Bình Định	Nam	Kinh	32THT1	9.7	9.8	Đạt	
538	29214352965		Trịnh Minh Trường	3/28/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT10	5.3	9.3	Đạt	
539	28214602151		Bùi Văn Tú	11/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN18	7.3	5.8	Đạt	
540	29204664751		Lê Thị Thanh Tú	10/31/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC9	8.7	7.0	Đạt	
541	28213506275		Nguyễn Anh Tú	1/13/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31THT19	V	V	Vắng thi	
542	29212344845		Đặng Đoàn Ngọc Tuấn	3/23/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC11	6.3	7.3	Đạt	
543	28214301853		Đào Anh Tuấn	1/6/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31THT19	6.0	5.5	Đạt	
544	27212240294		Đỗ Trung Anh Tuấn	10/28/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT19	6.7	6.0	Đạt	
545	29214652841		Lê Anh Tuấn	5/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	32THT1	8.0	6.5	Đạt	
546	28215139881		Thân Văn Tuấn	1/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN18	6.3	4.5	Không Đạt	
547	29217350948		Đình Sĩ Tùng	9/23/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC16	9.3	8.0	Đạt	
548	27215234586		Nguyễn Hoàng Tùng	10/31/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT10	6.0	7.3	Đạt	
549	28214925721		Nguyễn Xuân Tùng	11/27/2004	Nam Định	Nam	Kinh	31CYC11	8.0	8.3	Đạt	
550	30212353392		Trần Thanh Tùng	1/20/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT18	V	V	Vắng thi	
551	29212362989		Mai Xuân Tươi	12/5/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC10	7.7	5.3	Đạt	
552	28208152626		Nguyễn Thị Tuyền	8/25/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	32TBN1	4.7	5.0	Không Đạt	
553	29208124528		Võ Ngọc Ánh Tuyền	6/16/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC11	9.7	8.0	Đạt	
554	28218042877		Huỳnh Ngọc Tuyết	7/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT13	6.3	4.0	Không Đạt	
555	29206235303		Nguyễn Lê Ánh Tuyết	4/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	8.7	7.5	Đạt	
556	28206601823		Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	9.7	7.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
557	28216846313		Lê Minh Uyên	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC14	5.0	3.5	Không Đạt	
558	29202757585		Lê Thị Thu Uyên	9/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT19	10.0	7.0	Đạt	
559	29206759211		Nguyễn Thị Thảo Uyên	3/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	32THT1	9.7	5.3	Đạt	
560	29208049177		Nguyễn Thị Tú Uyên	7/15/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC16	9.3	8.8	Đạt	
561	29204647661		Nguyễn Thu Uyên	9/10/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	32TBN1	9.7	10.0	Đạt	
562	29208162740		Nguyễn Trần Phương Uyên	3/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC11	9.7	7.0	Đạt	
563	29204849173		Tô Thị Thảo Uyên	7/30/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	8.3	10.0	Đạt	
564	29205164744		Trương Huỳnh Mỹ Uyên	10/19/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT18	8.0	6.0	Đạt	
565	28206205854		Nguyễn Thanh Vân	3/5/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	31CHT11	6.0	2.1	Không Đạt	
566	29209420777		Trần Thị Thảo Vân	7/24/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TSC16	9.0	6.5	Đạt	
567	29205024561		Lê Thị Tường Vi	1/30/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	32TBN1	10.0	8.3	Đạt	
568	28207250179		Nguyễn Ngọc Tường Vi	10/3/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC16	8.3	9.3	Đạt	
569	29204346972		Nguyễn Thanh Nhật Vi	8/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN19	6.7	3.3	Không Đạt	
570	28208155025		Nguyễn Thị Yến Vi	4/5/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN19	7.0	2.8	Không Đạt	
571	28206501810		Trần Yến Vi	10/13/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT18	V	V	Vắng thi	
572	29206754807		Võ Thị Tường Vi	4/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC16	5.7	5.8	Đạt	
573	29212322550		Nguyễn Minh Vĩ	12/17/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC16	8.3	7.8	Đạt	
574	29217353749		Phạm Duy Hoàng Việt	11/25/2005	Cao Bằng	Nam	Kinh	31TSC16	7.3	6.0	Đạt	
575	29214535764		Nguyễn Phước Vinh	12/5/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC17	10.0	9.3	Đạt	
576	29212554251		Phạm Công Vinh	8/13/2005	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC17	V	V	Vắng thi	
577	28212438497		Trần Lê Vinh	9/30/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN19	6.0	5.3	Đạt	
578	28215103636		Hoàng Long Vũ	6/16/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CYC11	9.3	7.5	Đạt	
579	28212751849		Lê Trung Tấn Vũ	10/14/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC17	6.7	7.5	Đạt	
580	28211146692		Lương Minh Vũ	7/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	32SHT1	9.3	8.0	Đạt	
581	28218049647		Nguyễn Anh Vũ	11/18/2004	Quy Nhơn	Nam	Kinh	31TYC16	6.7	7.5	Đạt	
582	27211501088		Phạm Dương Thái Vũ	12/10/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	32THT1	8.0	9.0	Đạt	
583	28212304132		Phạm Lâm Vũ	4/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN10	6.3	8.5	Đạt	
584	28212302824		Trần Văn Quang Vũ	9/22/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TYC15	6.0	6.8	Đạt	
585	28214325485		Võ Hoàng Vũ	11/10/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT19	10.0	5.5	Đạt	
586	28204806704		Lê Thị Bích Vương	5/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT10	4.7	5.0	Không Đạt	
587	29212344476		Thái Đình Vương	8/9/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC16	8.7	9.5	Đạt	
588	28202734092		Đặng Ngọc Thảo Vy	11/7/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT10	5.0	4.3	Không Đạt	
589	28205105144		Lê Đình Hạ Vy	11/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC17	5.7	7.3	Đạt	
590	28204500384		Lê Thị Vy	9/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN11	8.3	7.0	Đạt	
591	28208052750		Lê Thị Phương Vy	1/2/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC16	5.0	3.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	SỐ CCCD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUĐ		
592	29204860346		Nguyễn Thị Tường Vy	4/4/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN18	9.3	6.8	Đạt	
593	29204760390		Phạm Nguyễn Tường Vy	4/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32CHT1	9.3	6.5	Đạt	
594	28204932015		Phùng Thị Nhật Vy	11/1/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT11	5.7	5.1	Đạt	
595	28204651541		Tô Nguyễn Tường Vy	3/23/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC7	7.3	6.8	Đạt	
596	28202805862		Trần Hoàng Nhật Vy	8/6/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN11	6.0	2.5	Không Đạt	
597	28216606394		Lê Nguyễn Trường Vỹ	6/20/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31SSC8	7.7	7.5	Đạt	
598	28212140391		Trần Ngọc Vỹ	10/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN10	8.7	7.5	Đạt	
599	29204351491		Cao Thị Như Ý	6/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	32THT1	10.0	9.3	Đạt	
600	29204855466		Nguyễn Nguyên Như Ý	9/12/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN10	9.7	5.3	Đạt	
601	28204401950		Võ Thị Như Ý	7/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT11	8.0	6.9	Đạt	
602	29204557061		Trần Thị Phương Yên	11/26/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC16	5.0	8.0	Đạt	
603	29208120733		Đặng Thị Minh Yên	7/14/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	32CHT1	9.3	9.3	Đạt	
604	28204625044		Tăng Thị Hải Yên	10/7/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31SBN8	7.0	5.3	Đạt	